TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 393/2026/HS-ST
Ngày: 25/3/2026

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Lưu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Bá Chương

2. Bà Huỳnh Thị Thanh Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 137/2026/TLST-HS ngày 03 tháng 02 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 231/2026/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 02 năm 2026 và Thông báo dời ngày xét xử số 76/2026/TB-TA ngày 03 tháng 3 năm 2026, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn T, sinh năm 1992; giới tính: Nam; nơi sinh: tỉnh Nghệ An; nơi thường trú: thôn Đ, xã Q, tỉnh Nghệ An; nơi ở hiện tại: không nơi cư trú nhất định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông Nguyễn Minh H và bà Trần Thị H1; bị cáo chưa có vợ, con; tiền sự: không;

Tiền án: Ngày 06/9/2023, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh) xử phạt 07 (bảy) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án số 280/2023/HS-ST. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù;

Bị cáo bị bắt, tạm giam ngày 21/10/2025 (có mặt).

2. Phạm Văn T1, sinh năm 1992; giới tính: Nam; nơi sinh: tỉnh Thanh Hóa; nơi thường trú: thôn Q, xã N, tỉnh Thanh Hóa; nơi ở hiện tại: Không nơi cư trú nhất định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông Phạm Văn S và bà Trịnh Thị L; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: không; tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt, tạm giam ngày 21/10/2025 (có mặt).

- Bị hại: Anh Trịnh Văn T2, sinh năm 1972

Địa chỉ: Số G A, Khu phố C, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt);

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên:

1. Chị Nguyễn Hoài T3, sinh năm 1995

Địa chỉ: Khu dân cư S, thôn L, xã M, tỉnh Quảng Ngãi (vắng mặt);

2. Chị Nguyễn Thị Y, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn T, xã V, tỉnh Hưng Yên (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

[1] Vào khoảng 01 giờ 53 phút ngày 16/9/2025, Nguyễn Văn T đi tìm tài sản lấy trộm. Khi T đi ngang qua nhà số G Đường I, khu phố C, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh thì thấy cửa nhà của anh Trịnh Văn T2 không đóng kín, không khóa cửa phía trong. T lén lút đến mở nhẹ cửa đủ để lách người qua cánh cửa rồi vào trong nhà. T thấy anh T2 đang nằm ngủ trên giường, phía cuối chân giường có để 01 điện thoại di động Samsung S23 màu xám nên T đến lấy điện thoại để vào trong túi quần đang mặc. Tiếp đến, T thấy có 01 túi da màu đen để kế bên điện thoại di động nên T mở túi ra xem thì thấy bên trong có 01 nhẫn kim loại màu vàng, và tiền mặt là 2.900.000 đồng, nên T lấy tiền và nhẫn trên nhét vào túi quần. Sau đó T cầm túi da và tiền cùng vàng vừa trộm được ra khỏi nhà của anh T2 rồi tẩu thoát. Trên đường đi, T vứt túi da ven đường nên không tìm thấy được. Sau đó, T đi đến phòng trọ của Phạm Văn T1 là người quen từ trước, tại số nhà A đường D, khu phố D, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh để xin T1 cho ngủ nhờ. Khi đến phòng trọ của T1 thì T dùng chìa khóa do T1 đã đưa cho T trước để mở cửa cổng bên ngoài dãy phòng trọ. Sau đó T đến mở cửa phòng trọ thì T1 bật đèn cho T vào. Lúc vào trong phòng thì T và T1 nằm xem điện thoại di động, khoảng 10 phút thì T1 nhìn hướng mắt về phía bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá đặt ở góc trái cửa ra vào. T nhìn theo T1 rồi T đến cầm bộ sử dụng ma tuý, thấy còn một ít ma túy nên đã dùng bật lửa đốt lên hít một hơi, sau đó T để ống thủy tinh xuống chỗ cũ rồi nằm xuống sàn nhà ngủ cùng với T1. T1 nhìn thấy T sử dụng ma tuý nhưng không có ý kiến gì. T không nói và T1 cũng không biết T vừa trộm tài sản của anh T2.

Đến khoảng 09 giờ 53 phút cùng ngày, T đến tiệm V, địa chỉ số E N, khu phố B, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh để bán nhẫn kim loại bằng vàng với giá 21.590.000 đồng cho chị Nguyễn Hoài T3. Đồng thời T dùng số tiền bán nhẫn để mua lại 01 dây chuyền màu đen, bọc vàng với giá 4.500.000 đồng từ chị T3. Chị T3 sau khi mua vàng của T đã nấu vàng tan chảy nên không thu hồi

được. Chị T3 không biết nhẫn vàng T bán là tài sản do trộm cắp mà có. Khi T giao dịch tại tiệm V có camera ghi nhận hình ảnh của T.

Đến khoảng 15 giờ 37 phút ngày 17/9/2025, T đến cửa hàng Đ tại số A L, khu phố A, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh để nhờ anh Lê Minh Q chuyển 5.000.000 đồng cho chị gái của T tên Nguyễn Thị Y để gửi về quê cho mẹ. Chị Y nhận được tiền và không biết tiền trên do T trộm cắp mà có.

Anh T2 sau khi bị mất trộm thì đến Công an phường T trình báo. Qua truy xét, Công an phường T mời T lên làm việc. T thừa nhận việc trộm cắp như trên và nộp lại sợi dây chuyền T mua tại tiệm V.

Công an phường T mời chị Nguyễn Thị Y làm việc, chị Y nộp lại 5.000.000 đồng T đã nhờ anh Q chuyển cho chị Y.

Qua truy xét, Công an phường T mời Phạm Văn T1 lên làm việc. T1 khai nhận vào khoảng 21 giờ 31 phút ngày 15/9/2025, T1 nhắn tin cho một người bạn ngoài xã hội tên L1 (sử dụng nick zalo "Nam Phi Long") sử dụng số điện thoại 0984665434 để đặt mua 300.000 đồng ma túy đá. L1 đồng ý bán và nói T1 đưa 300.000 đồng tiền mặt cho một người bạn khác tên L2 (không rõ lai lịch) đang ngồi uống cà phê với T1 tại quán C đường số D, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi T1 đưa tiền cho L2 thì T1 đi về phòng trọ tại địa chỉ số A đường D, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Khoảng 30 phút sau thì L1 gọi điện thoại cho T1, nói T1 ra lấy ma túy được đặt trong gói thuốc lá để cạnh thùng rác trước cửa phòng trọ. Sau khi nhận được ma túy, T1 vào phòng và sử dụng ma túy một mình. Sau khi sử dụng xong, T1 để ống thủy tinh (nỏ) vào trong rổ đặt kế bên cửa ra vào bên trái phòng trọ. Sau đó, T1 ra ngoài chơi rồi về lại phòng trọ của mình nghỉ ngơi. Đến khoảng 2 giờ 30 phút sáng ngày 16/9/2025 thì Nguyễn Văn T (tên gọi khác là H2) gõ cửa phòng trọ của T1. T1 thức dậy bật đèn cho T vào phòng. Sau khi vào phòng thì T thấy ống thủy tinh mà T1 sử dụng ma túy trước đó đang để kế bên trái cửa phòng nên hỏi T1 "còn không?" thì T1 trả lời "xem còn thì chơi, không còn thì đi ngủ đi" . Sau đó, T tự ý đến lấy nỏ sử dụng ma tuý, T1 nhìn thấy nhưng vẫn đồng ý cho T sử dụng. Đến khoảng 02 giờ 52 phút cùng ngày 16/9/2025, T1 nhắn tin cho L1 để đặt thêm 200.000 đồng ma túy nhưng L1 không trả lời. Sau đó thì T1 và T đi ngủ. Bộ dụng cụ sử dụng ma tuý thì T1 đã vứt bỏ nên không thu giữ được. Đến sáng ngày 17/9/2025 thì T1 bị Công an phường T mời về làm việc và khai nhận nội dung như trên.

Kết luận định giá tài sản số 12/KL - HĐĐGTS ngày 07/01/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân phường T kết luận: 01 điện thoại di động hiệu S1 có giá trị 16.745.000 đồng, 01 nhẫn vàng 3,2153 chỉ có giá trị 27.361.352 đồng, túi da không có hiệu không có giá trị.

Vật chứng vụ án:

- 01 (một) USB ghi nhận hiện trường trộm cắp;

- 01 điện thoại di động hiệu S1;

- 01 nhẫn bằng vàng (không thu hồi được);

- 01 dây chuyền màu đen bọc vàng (thu của Nguyễn Văn T);

- 7.300.000 đồng (thu của Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Y);

Trách nhiệm dân sự: Anh Trịnh Văn T2 nhận lại tài sản 01 điện thoại di động hiệu Samsung S23 Ultra; 01 dây chuyền vàng do bị cáo Nguyễn Văn T nộp lại, số tiền 7.300.000 đồng, không yêu cầu bồi thường số tiền còn lại.

[2] Bản cáo trạng số 455/CT-VKSKV2 ngày 29/01/2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, năm 2025; bị cáo Phạm Văn T1 về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo Khoản 1 Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, năm 2025.

[3] Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, năm 2025; áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T mức án từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù; tuyên bị cáo Phạm Văn T1 phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo Khoản 1 Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, năm 2025; áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Văn T1 mức án từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra anh Trịnh Văn T2 nhận lại tài sản 01 điện thoại di động, 01 dây chuyền vàng do T nộp lại, số tiền 7.300.000 đồng, không yêu cầu bồi thường số tiền còn lại nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về vật chứng đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định của pháp luật.

- Các bị cáo Nguyễn Văn T, Phạm Văn T1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như kết luận điều tra và Cáo trạng truy tố, các bị cáo không có ý kiến tranh luận, bào chữa gì và các bị cáo nói lời sau cùng rất hối hận, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để sớm về với gia đình và tái hòa nhập cộng động xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc

khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng cùng các tài liệu chứng cứ thu thập được, Hội đồng xét xử đủ cơ sở xác định:

Vào lúc 01 giờ 53 phút ngày 16/9/2025, Nguyễn Văn T thực hiện hành vi lén lút lấy trộm 01 điện thoại di động Samsung S23 Ultra giá 16.745.000 đồng, 01 nhẫn vàng kim loại 3,2153 chỉ giá 27.361.325 đồng và 01 túi da không còn giá trị của anh Trịnh Văn T2. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 44.106.352 đồng.

Vào lúc 02 giờ 30 phút ngày 16/9/2025, Nguyễn Văn T đến phòng trọ của Phạm Văn T1 tại địa chỉ A đường D, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh thì được T1 cho sử dụng ma tuý tại phòng trọ của T1.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" được quy định tại Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, năm 2025.

Hành vi của bị cáo Phạm Văn T1 đủ yếu tố cấu thành tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" được quy định tại Khoản 1 Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, năm 2025.

Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn T là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội tại địa phương. Bị cáo biết rõ hành vi phạm tội của mình sẽ bị pháp luật nghiêm trị, nhưng vẫn phạm tội với lỗi cố ý, thể hiện sự xem thường kỷ cương pháp luật của Nhà nước.

Hành vi phạm tội của bị cáo Phạm Văn T1 là nguy hiểm cho xã hội, do tính chất đặc biệt của chất ma túy có thể gây tác hại rất lớn về nhiều mặt cho xã hội. Tội phạm về ma túy có thể dẫn đến phát sinh các loại tội phạm khác. Nhà nước ta cũng như cả thế giới đều ra sức đấu tranh phòng chống tệ nạn ma túy, mọi hành vi trái pháp luật liên quan đến ma túy đều bị nghiêm cấm và xử lý nghiêm khắc nếu có vi phạm.

Vì vậy, cần xử lý các bị cáo bằng hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi và hậu quả mà các bị cáo đã gây ra nhằm giáo dục, cải tạo, răn đe đối với các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tuy nhiên khi lượng hình cần xem xét cho các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, năm 2025 để giảm nhẹ một phần mức án cho các bị cáo mà lẽ ra các bị cáo phải nhận là đúng quy định của pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội với tình tiết tăng nặng là "Tái phạm" theo quy định tai điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, năm 2025. Bị cáo Phạm Văn T1 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, năm 2025.

[5] Về xử lý vật chứng:

- 01 USB lưu giữ hình ảnh Nguyễn Văn T thực hiện hành vi trộm cắp tài sản; là chứng cứ trực tiếp nên cần được lưu vào trong hồ sơ vụ án;

- 01 điện thoại di động hiệu S1, ngày 10/01/2026 Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Thành phố H đã trả lại cho anh Trịnh Văn T2;

- 01 dây chuyền màu đen bọc vàng; số tiền 7.300.000 đồng, ngày 17/01/2026 Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Thành phố H đã trả lại cho anh Trịnh Văn T2.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Trịnh Văn T2 nhận lại tài sản 01 điện thoại di động hiệu Samsung S23 Ultra, 01 dây chuyền vàng do T nộp lại, số tiền 7.300.000 đồng, không yêu cầu bồi thường số tiền còn lại nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố:

- Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản";

- Bị cáo Phạm Văn T1 phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

2. Áp dụng Khoản 1 Điều 173; điểm s Khoản 1 Điều 51; điểm h Khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21/10/2025.

3. Áp dụng Khoản 1 Điều 255; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025:

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T1 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21/10/2025.

4. Áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Các bị cáo Nguyễn Văn T, Phạm Văn T1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (Hai

trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Bị cáo Nguyễn Văn T, Phạm Văn T1 có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Đối với người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND TP . HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND KV2 - TP . HCM;
- Cơ quan CSĐT Công an TP . HCM;
- Phân trại tạm giam Cát Lái -
Trại tạm giam Bố Lá - Công an TP . HCM;
- Cơ quan THA.HS Công an TP. HCM;
- THADS TP . HCM;
- Sở Tư pháp TP . HCM;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Quốc Lưu